TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:179/2020/DS-ST
Ngày: 16-7-2020
V/v" Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G - THÀNH PHỐ H

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hoàng
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Quốc Hà
Ông Võ Thành Viên
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp– Thư ký Tòa án nhân dân quận G.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân quận G*** tham gia phiên tòa*:* Bà Lê Thị Thu Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 13/7/2020 và 16/7/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 655/2019/DSST ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2019/QĐXX- DS ngày 28 tháng 5 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 107/2017/QĐST-DS ngày 23/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Ngân hàng TMCP AB.
Trụ sở : Số 442 đường M, Phường 2, Quận 9, Thành phố H.
Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T - chức vụ: Tổng Giám đốc
Đại diện theo ủy quyền : Bà Thái Thị Thanh H, sinh năm 1990
Chức vụ : Nhân viên
Địa chỉ : Lầu 2, Tòa nhà Tower, 222A-226 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 1, Quận 3, Thành phố H (Có mặt)
Bị đơn : Bà Đỗ Thị Thanh N, sinh năm 1987
Địa chỉ : Số 24 Nguyễn Thượng L, Phường 7, quận G, Thành phố H (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/11/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng TMCP AB do bà Thái Thị Thanh H trình bày:

Ngày 09/10/2015, bà Đỗ Thị Thanh N ký hợp đồng tín dụng trả góp với Ngân hàng TMCP AB (gọi là Ngân hàng AB) chi tiết như sau:

Hợp đồng tín dụng số : DAK.CN.373091015 ngày 09/10/2015.

Tài khoản vay số : 204943629

Số tiền vay : 100.000.000 đồng.

Thời hạn vay : 60 tháng, kể từ 09/10/2015 đến 09/10/2020.

Khế ước nhận nợ : giải ngân qua tài khoản 204943629 ngày 09/10/2015.

Lãi suất vay trong hạn : 12% năm.

Lãi suất quá hạn : 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Mục đích vay : tiêu dùng

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: không có.

Trong quá trình vay vốn bà Đỗ Thị Thanh N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ngày 01/4/2019, Ngân hàng TMCP AB ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ nợ vay còn lại thanh toán của hợp đồng tín dụng trả góp nêu trên.

Ngân hàng TMCP AB yêu cầu Tòa án nhân dân quận G, Thành phố H, giải quyết:

Buộc bà Đỗ Thị Thanh N phải thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 30/5/2020 với tổng số tiền là: **66.398.661 đồng**, bao gồm:

+ Dư nợ gốc : 44.989.000 đồng.

+ Lãi trong hạn : 10.724.333 đồng.

+ Lãi quá hạn : 8.885.328 đồng.

+ Phạt chậm trả lãi : 1.800.000 đồng.

(Lãi vay/hoặc phí tạm tính đến hết ngày 30/5/2020 và sẽ tiếp tục phát sinh kể từ ngày 31/5/2020 cho đến khi Bên vay và/hoặc Bên bảo lãnh trả hết nợ).

Phương thức thanh toán : Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà N còn phải thanh toán khoản tiền lãi phát sinh trên nợ gốc kể từ ngày 31/5/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng có đơn xin rút yêu cầu buộc bà N phải trả số tiền phạt chậm trả lãi 1.800.000 đồng.

Tòa án đã Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bà Đỗ Thị Thanh N nhưng bà N không đến Tòa làm việc và vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa nhưng người tham gia tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ

và hòa giải. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử : Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị :

-Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ;

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền phạt chậm trả lãi 1.800.000 đồng.

-Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn và bị đơn phải nộp án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng TMCP AB khởi kiện bà Đỗ Thị Thanh N về yêu cầu trả số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng trả góp số DAK.CN.373091015 (số tài khoản vay 204943629) để vay số tiền 100.000.000 đồng được ký kết giữa hai bên, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do bà N có nơi cư trú tại quận G, theo quy định Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm a, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố H.

Bị đơn bà Đỗ Thị Thanh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 và điểm b khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

2.1 ***Xét hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP AB và bà Đỗ Thị Thanh N.***

Ngày 09/10/2015,bà Đỗ Thị Thanh N ký Hợp đồng tín dụng số: DAK.CN.373091015 vay tại Ngân hàng TMCP AB số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*, có nội dung: "Số tiền vay:100.000.000 đồng; Thời hạn vay: 60 tháng, kể từ 09/10/2015 đến 09/10/2020; Lãi suất vay trong hạn: 12% năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn".

Là hợp đồng tín dụng đúng quy định pháp luật, là giao dịch hợp pháp.

2.1.1. Xét yêu cầu tính lãi trong hạn với số tiền là: **10.724.333 đồng.**

Ngân hàng TMCP AB yêu cầu bà N phải thanh toán lãi trong hạn từ ngày 09/06/2018. Vì lãi trong hạn được tính trên ngày nợ thực tế. Cụ thể theo hợp đồng tín dụng thì từ ngày giải ngân là 09/10/2015; thanh toán làm 60 kỳ, bà N chỉ mới

đóng lãi 36 kỳ, còn nợ 24 kỳ lãi trong hạn chưa đóng nên phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP AB.

Căn cứ thỏa thuận giữa các bên tại khoản 1.3 Điều 1, khoản 2.1Điều 2 Hợp đồng tín dụng số DAK.CN.373.091015 các bên thỏa thuận: thời hạn vay 60 tháng; lãi suất trong hạn: 12%/năm;

Căn cứ thỏa thuận giữa các bên của Hợp đồng tín dụng số DAK.CN.373.091015 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010, các bên thỏa thuận: thời hạn vay 60 tháng; lãi suất trong hạn: 12% năm; lãi trả hàng tháng vào ngày 09 hàng tháng.

Do các bên đã thỏa thuận thời hạn vay là 60 tháng. Cho nên yêu cầu của Ngân hàng buộc bà N phải thanh toán số tiền lãi trong hạn còn nợ là phù hợp với quy định của pháp luật, cũng như thỏa thuận của các bên.

Do đó, số tiền lãi trong hạn mà bà N phải thanh toán cho Ngân hàng là: 10.724.333 đồng.

2.1.2. Xét yêu cầu tính lãi quá hạn từ ngày 01/5/2019 cho đến ngày 30/5/2020, với mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Căn cứ Điều 6 của Hợp đồng tín dụng số DAK.CN.373.091015 ngày 09/10/2015 giữa Ngân hàng AB và bà N quy định: "*Ngay khi đến hạn trả nợ lãi theo các kỳ hạn, nếu bên được cấp tín dụng không trả lãi đúng hạn và không được AB cơ cấu lại thời hạn trả nợ gốc thì toàn bộ số dư nợ gốc thực tế còn lại của khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn* ".

Căn cứ vào khoản 2.1.2 Điều 2 của Hợp đồng tín dụng số: DAK.CN.373091015 ngày 09/10/2015 nêu trên quy định: *"....Lãi chậm trả đối với nợ gốc quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn...."*; Căn cứ khoản 2.1.1 Điều 2 của Hợp đồng tín dụng số: DAK.CN.373091015 ngày 09/10/2015 nêu trên quy định: Lãi trong hạn: 1.583%/tháng.

Từ những căn cứ trên, việc Ngân hàng TMCP AB chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang quá hạn vào ngày 01/5/2019, với mức lãi suất: 1.583%/tháng x 150% = 2,3745%/tháng là hoàn toàn phù hợp với thỏa thuận giữa hai bên và quy định của pháp luật.

***2.2. Xét việc Ngân hàngTMCP AB xin rút yêu cầu tính phí phạt chậm trả lãi trong hạn tạm tính đến ngày 17/4/2019 là:* 1.800.000 đồng**.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút đơn này là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ qui định tại điểm c khoản 1 Điều 217 và Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 đình chỉ xét xử yêu cầu này.

Từ những phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP AB đối với bà Đỗ Thị Thanh N. Hội đồng xét xử quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP AB.

Buộc bà Đỗ Thị Thanh N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP

AB tổng số tiền nợ gốc và lãi quá hạn tính đến hết ngày 30/5/2020 theo Hợp đồng tín dụng số: DAK.CN.373091015 ngày 09/10/2015 là: 64.598.661 đồng; trong đó nợ gốc là: 44.989.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 10.724.333 đồng, nợ lãi quá hạn tạm tính đến hết ngày 30/5/2020 là: 8.885.328 đồng.

Ngoài ra, bà N còn phải trả cho Ngân hàng AB tiền nợ lãi phát sinh trên nợ gốc còn nợ (44.989.000 đồng) tính từ ngày 31/5/2020 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng AB theo mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: DAK.CN.373091015 ngày 09/10/2015.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ nộp án phí và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả 1.544.120 đồng tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn.

Bị đơn phải chịu án phí tương đương với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 64.598.661 đồng. Do đó bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.229.933 đồng.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên ;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 244; Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Đỗ Thị Thanh N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP AB số tiền 64.598.661 (*Sáu mươi bốn triệu năm trăm chín mươi tám ngàn sáu trăm sáu mươi mốt*) đồng, trong đó :

-Vốn: 44.989.000 đồng;

-Lãi trong hạn: 10.724.333 đồng;

-Lãi quá hạn: 8.885.328 đồng.

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Đỗ Thị Thanh N còn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP AB tiền nợ lãi phát sinh trên nợ gốc còn nợ (44.989.000 đồng) tính từ ngày 31/5/2020 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP AB theo mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: DAK.CN.373091015 ngày 09/10/2015.

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP AB buộc bà Đỗ Thị Thanh N phải trả số tiền phạt chậm trả lãi 1.800.000 (*Một triệu tám trăm ngàn đồng).*

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đỗ Thị Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.229.933 (B*a triệu hai trăm hai mươi chín ngàn chín trăm ba mươi ba*) đồng.

Hoàn lại 1.544.120 (Một triệu năm trăm bốn mươi bốn ngàn một trăm hai mươi) đồng tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng TMCP AB theo biên lai thu số 0025217 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G.

4.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận :
- VKSND quận G;
- Chi cục THA quận G;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký, đóng dấu)